

PHỤ LỤC

(đính kèm Tờ trình số 02/2021/MBS/HĐQT-TTr ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung
Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán MB)

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
1	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; - Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán; Thông tư 07/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán; 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; - Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; - Thông tư 121/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán; 	<p>Các văn bản pháp luật mới ban hành có hiệu lực thay thế các văn bản pháp luật cũ.</p> <p>Tương tự, sửa đổi tương ứng tại Điều 1.1.d, Điều 1.1.f và Điều 1.1.h Điều lệ MBS</p>
2	Điều 1.1.n về khái niệm Cổ đông lớn	<p>“Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu <u>trực tiếp hoặc gián tiếp</u> từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty</p>	<p>“Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty</p>	<p>Sửa theo Điều 4.18 Luật Chứng khoán 2019 (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán)</p>
3	Điều 1.1.t về khái niệm Bảo lãnh phát hành chứng khoán	<p>“Bảo lãnh phát hành chứng khoán” là việc cam kết với tổ chức phát hành <u>thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng</u></p>	<p>“Bảo lãnh phát hành chứng khoán” là việc cam kết với tổ chức phát hành nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết <u>hoặc cố gắng tối đa để phân phối số chứng khoán cần phát hành</u> của tổ chức phát hành</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 4 Luật Chứng khoán 2019</p>
4	Điều 1.1.v về khái niệm	<p>“Chứng khoán phái sinh” là <u>các chứng khoán quy định tại Luật Chứng khoán, bao gồm: Hợp đồng tương lai, Hợp đồng quyền chọn,</u></p>	<p>“Chứng khoán phái sinh” là <u>công cụ tài chính dưới dạng hợp đồng, bao gồm hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương</u></p>	<p>Sửa đổi theo Điều 4.9 Luật Chứng</p>

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	Chứng khoán phái sinh	Hợp đồng kỳ hạn và các chứng khoán phái sinh khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính	lai, hợp đồng kỳ hạn, trong đó xác nhận quyền, nghĩa vụ của các bên đối với việc thanh toán tiền, chuyển giao số lượng tài sản cơ sở nhất định theo mức giá đã được xác định trong khoảng thời gian hoặc vào ngày đã xác định trong tương lai	khoản 2019
5	Điều 2.3 về Thông tin trụ sở Công ty	Trụ sở Công ty: - Địa chỉ: Tầng M-3-7, Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội - Điện thoại: (84.24) 3726 2600 Fax: (84.24) 3726 2601 - Website: www.mbs.com.vn	Trụ sở Công ty: - Địa chỉ: Tầng 7-8 Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội - Điện thoại: (84.24) 73045688 Fax: (84.24) 3726 2601 - Website: www.mbs.com.vn	Do MBS thay đổi trụ sở doanh nghiệp
6	Điều 5 về Nguyên tắc hoạt động	Không quy định nội dung bên cạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty. - Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan. - Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. - Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan. - Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. 	Bổ sung theo quy định tại Điều 3 Thông tư 121
7	Điều 7.4.c về Nghĩa vụ của Công ty	Ký hợp đồng <u>bằng văn bản</u> với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;	Ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;	Sửa đổi để tạo cơ chế mở cho MBS sau này
8	Điều 8.2 Về quy định đối với người hành nghề chứng khoán	Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của tổ chức mà tổ chức đó sở hữu Công ty hoặc tiếp nhận vốn đầu tư từ Công ty, người hành nghề chứng khoán không được: a) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công	Người hành nghề chứng khoán chỉ được hành nghề chứng khoán với tư cách đại diện cho Công ty; phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do UBCK, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức và không được thực	Sửa theo quy định Điều 98 Luật Chứng khoán

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>ty;</p> <p>b) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;</p> <p>c) Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;</p> <p>d) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>e) Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;</p> <p>f) Nhân viên hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán không được kiêm nhiệm thực hiện các công việc tại các bộ phận thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài khoản giao dịch ủy thác.</p> <p>g) Các hành vi cấm và hạn chế khác theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p>	<p>hiện các hành vi sau đây:</p> <p>a) Đồng thời làm việc cho từ 02 công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán trở lên;</p> <p>b) Mở, quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán nơi mình không làm việc, trừ trường hợp công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc không có nghiệp vụ môi giới chứng khoán;</p> <p>c) Thực hiện hành vi vượt quá phạm vi ủy quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán nơi mình đang làm việc.</p>	
9	Điều 10.1 và Điều 11.1 về Vốn điều lệ của Công ty	<p>Điều 10.1 Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 1.643.310.840.000VNĐ (Một nghìn sáu trăm bốn mươi ba tỷ, ba trăm mười triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).</p> <p>Điều 11.1 Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 164.331.084 (Một trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, không trăm tám mươi bốn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/cổ phần. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 10.1 Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 1.643.310.840.000VNĐ (Một nghìn sáu trăm bốn mươi ba tỷ, ba trăm mười triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).</p> <p>Điều 11.1 Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 164.331.084 (Một trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, không trăm tám mươi bốn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/cổ phần. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	MBS dự kiến tăng vốn điều lệ Công ty. Số liệu chính xác sẽ căn cứ vào kết quả chào bán thực tế
10	Điều 12 về Chứng nhận cổ phiếu	<p>Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 12. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trường hợp cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ bị mất, bị hủy</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>3. Trong thời hạn bảy (07) kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu lần đầu nhưng có thể phải thanh toán phí chuyển nhượng theo quy định của Hội đồng Quản trị hoặc của tổ chức dịch vụ quản lý cổ đông hoặc/và tổ chức lưu ký cho các lần chuyển nhượng sau.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới.</p>	<p>hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>c) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>d) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
11	Điều 18.13 về Quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần chi phối	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông</u> trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:</p> <p>c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông</u> trở lên có các quyền sau đây:</p> <p>c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p>	Sửa theo Điều 115.2 Luật Doanh nghiệp
12	Điều 18.15 về Quyền khởi kiện của cổ đông	<p>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông <u>liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng</u> có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p>	<p>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật <u>để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác</u>. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp</p>	Sửa đổi cho phù hợp quy định tại Điều 166.1 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
			luật về tổ tụng dân sự. <u>Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trong tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</u>	
13	Điều 19.8 về Nghĩa vụ của cổ đông	Không quy định nội dung bên cạnh	Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;	Bổ sung theo Điều 119.5 Luật Doanh nghiệp
14	Điều 21.5 về Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Không quy định nội dung bên cạnh	Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	Bổ sung theo quy định tại Điều 272.2 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
15	Điều 21 về Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	Không quy định nội dung bên cạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua định hướng phát triển Công ty; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết. 	Sửa đổi theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 148.1 Luật Doanh nghiệp
		Quyết định mua lại từ 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;	Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;	Sửa đổi theo Điều 138 Luật DN
		<u>Quyết định phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập các quỹ</u>	Không quy định	Sửa đổi theo Điều 138 Luật DN
16	Điều 24.5 về Quyền từ chối của Người triệu tập họp ĐHDCĐ	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất nêu tại khoản 4 nêu trên nếu:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc</p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất nêu tại khoản 4 nêu trên nếu:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc</p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định</p>	Sửa đổi và bổ sung theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>hội đồng cổ đông; hoặc</p> <p>c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng; hoặc</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>của Đại hội đồng cổ đông; hoặc</p> <p>c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng; hoặc</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì phải đưa các kiến nghị hợp lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u></p>	
17	Điều 25.1 về Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết.	Sửa theo Điều 145.1 Luật Doanh nghiệp
18	Điều 25.4 về Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	Không quy định nội dung như mục bên	Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.	Bổ sung theo Điều 145.4 Luật Doanh nghiệp
19	Điều 26.1 về Thẻ thức tiên hành họp ĐHĐCĐ	Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã số của cổ đông, số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.	thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử (trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ có nội dung bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát), trên đó ghi mã số của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó	Rút gọn để đảm bảo việc giữ bí mật thông tin cho NĐT
20	Điều 27.5 về điều kiện thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ	Các nghị quyết về nội dung khác, ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này, được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết hoặc thông qua đại diện của tất cả cổ đông dự họp tán thành	Các nghị quyết về nội dung khác, ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này, Điều 30 của Điều lệ, được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	Sửa theo Điều 148.2 Luật Doanh nghiệp
21	Điều 28.2 về Cách thức HĐQT tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn</u>	Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, <u>dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</u> Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều	Sửa theo Điều 149.2 Luật DN

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<u>nhân</u> phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.	141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.	
22	Điều 28.3.c về Thông tin tại Phiếu lấy ý kiến cổ đông	Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập/số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u>	Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u>	Sửa theo Điều 149.3.c Luật Doanh nghiệp
23	Điều 28.8 về Điều kiện thông qua nghị quyết cổ đông bằng văn bản	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	Sửa theo Điều 148.4 Luật Doanh nghiệp
24	Điều 30.2.i về Biên bản họp ĐHDCĐ	Không quy định nội dung như tại mục bên	Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Bổ sung theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp
25	Điều 31 về Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 19 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc một phần nội dung Nghị quyết trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc một phần nội dung Nghị quyết trong các trường hợp sau đây:	Sửa theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp
26	Điều 32.6 về Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Không quy định	6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Ngoài những tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị cần phải đáp ứng các điều kiện dưới đây: a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty	Bổ sung theo Điều 155.2 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
			<p>mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</p>	
27	Điều 34 về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>d) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>g) Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán trong thời hạn 12 tháng phát hành làm cổ phiếu quỹ, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua sửa lỗi theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>s) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;</p> <p>u) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p>	Không còn quy định các nội dung như bên cạnh	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật (Điều 36 Luật Doanh nghiệp) và thực tế triển khai, hoạt động tại MBS

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>v) Quyết định các điều kiện cụ thể đối với từng đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm trên cơ sở tuân theo quy định của pháp luật;</p> <p>w) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>x) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;</p> <p>z) Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty;</p> <p>aa) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại là Luật sư của Công ty;</p> <p>cc) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		
28	Điều 35.1 về Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được	Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày	Sửa theo Điều 163.2.a Luật Doanh nghiệp
29	Điều 37.b về Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Không quy định những nội dung như tại mục bên	- Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch	Điều 177.2.d Nghị định 155/2020/NĐ-CP
30	Điều 33.1.b về Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	Không quy định nội dung như mục bên	Mỗi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục	Bổ sung theo Điều 154.2 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
31	Điều 36.3 về Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở phù hợp Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;</p> <p>i) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>j) Đảm bảo việc tổ chức thực hiện truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;</p> <p>k) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các cơ quan, bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;</p> <p>m) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>n) Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng quản trị;</p> <p>o) Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó;</p> <p>p) Quyết định và thực hiện các vấn đề được Hội đồng quản trị giao/ủy quyền;</p> <p>q) Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty; Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ;</p> <p>r) Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc huỷ bỏ các quyết định của Ban Tổng Giám đốc</p>	Không quy định nội dung như mục bên	Rút gọn theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp. Các quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>Công ty nêu trái pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trái nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>s) Ký văn bản uỷ quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>t) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>u) Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;</p>		
32	Điều 38 về Bầu dôn phiếu	<p>Điều 38.1</p> <p>Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và dôn phiếu bầu cho người họ đề cử.</p> <p>Điều 38.2.a</p> <p>Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị như sau:...</p> <p>Điều 38.2.b</p> <p>Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p>	<p>Điều 38.1</p> <p>Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và dôn phiếu bầu cho người họ đề cử.</p> <p>Điều 38.2.a</p> <p>Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị như sau:...</p> <p>Điều 38.2.b</p> <p>Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p>	Sửa đổi cho phù hợp Điều 155.5.a Luật Doanh nghiệp
33	Điều 36.3 về Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	<p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số;</p>	<p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền <u>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành</u></p>	Bổ sung và sửa đổi theo Điều 156.4 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
			<u>vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u> thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số <u>thành viên còn lại tán thành</u> cho đến khi có quyết định mới của <u>Hội đồng quản trị</u> ;	
34	Điều 40.18 về Biên bản họp HĐQT	Biên bản họp phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp <u>nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.</u>	Biên bản họp <u>phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật thì biên bản đó có hiệu lực. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	Sửa đổi và bổ sung theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều 279.2 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
35	Điều 39.1 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 36 của Điều lệ này; <u>Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> Có đơn xin từ chức; Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 	<ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Điều lệ này; Thành viên đó gửi đơn xin từ chức và được chấp thuận; Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn hợp pháp chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi dân sự; Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; Các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Không còn là người đại diện quản lý phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại Công ty; Thành viên đó là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với 	Sửa đổi cho phù hợp Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 8 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
			tư cách là ứng viên thành viên Hội đồng quản trị; i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
36	Điều 41 về Phòng Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị	<p>Điều 41. Phòng Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Phòng Kiểm toán nội bộ như sau:</p> <p>a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;</p> <p>c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;</p> <p>d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;</p> <p>e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;</p> <p>g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;</p> <p>h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;</p> <p>i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;</p> <p>j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;</p> <p>l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con (nếu có);</p> <p>m) Chức năng khác do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận/Ủy Ban Quản trị rủi ro:</p> <p>a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;</p>	<p>Điều 41. Phòng/Bộ phận/Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tham mưu chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;</p> <p>2. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;</p> <p>3. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;</p> <p>4. Chức năng khác do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.</p>	Theo thực tế hoạt động của MBS và thông lệ MB, phòng KTNB hoạt động dưới sự chỉ đạo, điều hành của BKS. Do đó, điều chỉnh lại cho phù hợp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;</p> <p>c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;</p> <p>d) Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Yêu cầu về nhân sự của Phòng Kiểm toán nội bộ:</p> <p>a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;</p> <p>b) Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, phẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;</p> <p>c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;</p> <p>d) Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.</p> <p>4. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc:</p> <p>a) Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của Công ty, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của Công ty; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tư doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;</p> <p>b) Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình. Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động</p>		

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;</p> <p>c) Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;</p> <p>d) Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.</p>		
37	Điều 44.3 về Quyền và nghĩa vụ của Người quản trị Công ty	Không quy định những nội dung như tại mục bên	<p>e) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>f) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</p> <p>g) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p>	Bổ sung theo Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp
38	Điều 45.3 về Người điều hành Công ty	Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Sửa đổi cho phù hợp quy định tại Điều 163.3 Luật Doanh nghiệp
39	Điều 48.6 về Tiêu chuẩn và điều kiện làm TGD	<u>Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ;</u>	<u>Tổng Giám đốc không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ</u>	Sửa theo Điều 162.5 Luật Doanh nghiệp
40	Điều 55.1 về thẩm quyền của Ban Kiểm soát	Không quy định nội dung như mục bên	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông 	Bổ sung theo Điều 228.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 170.3 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
			- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	ngành
41	Điều 52 về Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	Không quy định nội dung như tại mục bên	Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, công ty mẹ; người đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;	Bổ sung theo Điều 169.2 Luật Doanh nghiệp
		Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên	Không quy định	Bổ do Luật Doanh nghiệp 2014 quy định điều kiện này đã hết hiệu lực
42	Điều 53 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	<p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Điều lệ này;</p> <p>b) <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này;</p> <p>2. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>3. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</p> <p>4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn hợp pháp chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>5. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>6. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>7. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ;</p> <p>8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	Sửa đổi theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
43	Điều 58 về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ. 4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác. 5. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân, tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. 	Sửa đổi theo Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá nếu được thông qua theo quy định tại Điều 68 của Điều lệ này và trường hợp Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>		
44	Điều 61 về Công nhân viên và Công đoàn	<p>1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động, cũng như mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều chỉnh trên cơ sở tham khảo Điều lệ hiện hành của MB</p>

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
45	Điều 63 về Nguyên tắc trong mối quan hệ giữa Công ty mẹ và Công ty	<p>1. Nguyên tắc độc lập và tự chủ, thượng tôn pháp luật:</p> <p>a) Công ty mẹ thực hiện quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ các bên tham gia bình đẳng trước pháp luật;</p> <p>b) Công ty mẹ và Công ty được tổ chức và hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông;</p> <p>c) <u>Công ty mẹ và Công ty có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan về hình thức tổ chức và hoạt động của từng công ty.</u></p> <p>2. <u>Nguyên tắc quản lý thông qua người đại diện:</u></p> <p>a) <u>Công ty mẹ quản lý Công ty thông qua Người đại diện: các Người đại diện (là những người đại diện vốn của Công ty mẹ hoặc người đại diện khác của công ty mẹ tại Công ty) trực tiếp thay mặt Công ty mẹ quản lý Công ty, đảm bảo quyền cổ đông của Công ty mẹ phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Công ty mẹ và các quy định của pháp luật liên quan;</u></p> <p>b) <u>Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện của Công ty mẹ tại Công ty được xác định theo các quy định, văn bản ủy quyền/phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền của Công ty mẹ cho Người đại diện tại từng thời điểm và phù hợp với các quy định của Điều lệ này.</u></p> <p>3. Nguyên tắc chi phối:</p> <p>a) Công ty mẹ thực hiện <u>quyền chi phối đối với Công ty</u> tùy theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty.</p> <p>b) <u>Việc quản lý, chi phối của Công ty mẹ đối với Công ty được thực hiện theo các văn bản quy định của Công ty mẹ và phải đảm bảo phù hợp với các nội dung của Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.</u></p> <p>c) Quyền chi phối của Công ty mẹ đối với Công ty bao gồm ít nhất một trong các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty; - Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty; - Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; - Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty mẹ và Công ty. 	<p>1. Nguyên tắc <u>thống nhất</u>, độc lập và tự chủ, thượng tôn pháp luật:</p> <p>a) Công ty mẹ thực hiện quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ các bên tham gia bình đẳng trước pháp luật;</p> <p>b) Công ty mẹ <u>thống nhất quản lý Công ty trên cơ sở xây dựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn quản lý chung phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động;</u></p> <p>c) Công ty mẹ và Công ty được tổ chức và hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông;</p> <p>2. Nguyên tắc chi phối:</p> <p>a) Công ty mẹ thực hiện <u>quản lý Công ty thông qua quyền chi phối đối với Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty; phù hợp điều lệ của Công ty mẹ, Điều lệ Công ty, quy chế của Công ty mẹ và các quy định pháp luật có liên quan.</u></p> <p>b) Quyền chi phối của Công ty mẹ đối với Công ty bao gồm ít nhất một trong các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần chi phối của Công ty; - Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty; - Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; - Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty mẹ và Công ty. <p>3. <u>Nguyên tắc quản lý thông qua người đại diện:</u></p> <p>a) <u>Công ty mẹ quản lý Công ty thông qua Người đại diện: các Người đại diện trực tiếp thay mặt Công ty mẹ quản lý Công ty, đảm bảo quyền cổ đông của Công ty mẹ phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Công ty mẹ và các quy định của pháp luật liên quan;</u></p> <p>b) <u>Người đại diện vốn, Người đại diện khác có trách nhiệm triển khai chiến lược, các kế hoạch, định hướng hoạt động của MB tới Công ty.</u></p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Điều 4 Quy định về quản lý Công ty thành viên do MBB ban hành

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>4. Nguyên tắc phối hợp và liên kết:</p> <p>a) Công ty và các công ty con của Công ty mẹ hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực có liên quan trên cùng địa bàn có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ với Công ty mẹ và với nhau theo đúng định hướng chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường đã được Công ty mẹ chấp thuận;</p> <p>b) <u>Giảm tối đa</u> cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa Công ty mẹ, các công ty con của Công ty mẹ; vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>5. Nguyên tắc quản lý hệ thống</p> <p>a) <u>Theo chức năng nhiệm vụ được phân giao tại các quy định nội bộ của Công ty mẹ, các khối/phòng/ban nghiệp vụ tại Công ty mẹ tư vấn cho Người đại diện của Công ty mẹ tại Công ty trong quá trình triển khai xây dựng chính sách, hệ thống văn bản quản lý, quy chế, quy trình phù hợp với quy định pháp luật; tác nghiệp trực tiếp với cơ quan nghiệp vụ của Công ty trong việc xây dựng chính sách, hệ thống văn bản quản lý, quy chế, quy trình;</u></p> <p>b) <u>Cách thức phối hợp, tác nghiệp, thông tin và trao đổi giữa các bên khi thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các nguyên tắc, quy định do Công ty mẹ ban hành và các văn bản liên quan.</u></p>	<p>4. Nguyên tắc quản lý hệ thống</p> <p>a) <u>Theo chức năng nhiệm vụ được phân giao, các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ tại Công ty mẹ tư vấn cho Người đại diện trong quá trình triển khai xây dựng chính sách, hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của pháp luật; Tác nghiệp trực tiếp với cơ quan nghiệp vụ của Công ty trong việc xây dựng chính sách, hệ thống văn bản pháp lý;</u></p> <p>b) <u>Cách thức phối hợp, tác nghiệp, thông tin và trao đổi giữa các bên khi thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các nguyên tắc do Công ty mẹ ban hành và các văn bản có liên quan.</u></p> <p>5. Nguyên tắc phối hợp, liên kết và tổ chức bán chéo:</p> <p>a) Công ty và các công ty con của Công ty mẹ hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực có liên quan trên cùng địa bàn có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ với Công ty mẹ và với nhau theo đúng định hướng, chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường đã được Công ty mẹ chấp thuận;</p> <p>b) <u>Không được phép</u> cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa Công ty mẹ, các công ty con của Công ty mẹ; vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>c) <u>Công ty mẹ, Công ty và các công ty con của Công ty mẹ ưu tiên phân phối, sử dụng các sản phẩm dịch vụ của nhau, ưu tiên dành nguồn lực/ha tầng để phát triển các sản phẩm bán chéo và/hoặc cùng nhau xây dựng các sản phẩm liên kết để cung cấp cho khách hàng, phù hợp quy định pháp luật.</u></p> <p>d) Công ty mẹ, Công ty và các công ty con của Công ty mẹ áp dụng cơ chế giá/phí tương đương khách hàng tốt nhất của mỗi bên phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
46	Điều 65 về Chế độ báo cáo, đánh giá, kiểm tra giám sát	<p>1. Kiểm tra giám sát:</p> <p>Theo yêu cầu của Công ty mẹ về việc kiểm tra, kiểm toán, Người đại diện có trách nhiệm thông qua Hội đồng quản trị của Công ty để đảm bảo quyền kiểm tra, kiểm soát của Công ty mẹ.</p> <p>Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ hoặc tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của Công</p>	<p>1. Chế độ báo cáo của Công ty đối với Công ty mẹ Công ty thực hiện chế độ báo cáo đối với Công ty mẹ thông qua Người đại diện của Công ty mẹ tại Công ty.</p> <p>2. Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty</p> <p>a) Công ty mẹ đánh giá việc triển khai chiến lược và thực hiện kế hoạch kinh doanh định kỳ thông qua chế độ báo cáo đối với Công ty mẹ của Người đại diện tại Công ty;</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Điều 6 Quy định về quản lý Công ty thành viên do MBB ban hành

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>ty mẹ tại Công ty, kiểm tra tất cả các mặt hoạt động của Công ty bao gồm: mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh và hoạt động khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy định nội bộ của Công ty mẹ nếu thấy cần thiết. Ngoài ra, Công ty mẹ thực hiện đề nghị Ban Kiểm soát của Công ty kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối hoặc cổ đông lớn. Hoạt động kiểm tra được yêu cầu/đề nghị hoặc tham gia kiểm tra, kiểm soát định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc bất thường khi cần thiết với điều kiện các thông tin Công ty cung cấp cho đoàn kiểm tra phải được bảo mật.</p> <p>2. Báo cáo:</p> <p>a) Hoạt động báo cáo của Công ty cho Công ty mẹ được thực hiện thông qua Người đại diện phân vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty và đơn vị có chức năng của Công ty mẹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này;</p> <p>b) Tùy theo nội dung, tính cấp bách của công việc, hoạt động báo cáo có thể thông qua các hình thức: văn bản, fax, email, điện thoại trực tiếp;</p> <p>c) Công ty mẹ thực hiện yêu cầu Người đại diện là Kiểm soát viên báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định nội bộ của Công ty mẹ; Công ty mẹ hàng năm được quyền thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng và Báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>b) Công ty mẹ xây dựng hệ thống thông tin quản lý trực tuyến dựa trên cơ sở nền tảng CNTT thống nhất trong toàn Tập đoàn về quản trị dữ liệu, chất lượng dữ liệu và chính sách để đánh giá đầy đủ các khía cạnh kinh doanh và rủi ro của Tập đoàn;</p> <p>c) Định kỳ 06 tháng một lần, Công ty mẹ tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động của Công ty theo nguyên tắc đánh giá của Công ty mẹ từng thời kỳ, xếp loại Công ty và đánh giá kết quả thực hiện công việc của Người đại diện tại Công ty để có các điều chỉnh cần thiết.</p> <p>3. Kiểm tra, giám sát Công ty</p> <p>a) Giám sát thường xuyên: Công ty mẹ thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Công ty thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và hệ thống thông tin giữa Công ty mẹ và Người đại diện.</p> <p>b) Thực hiện quyền kiểm tra, giám sát Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty mẹ và Điều lệ Công ty con.</p>	
47	Điều 71 về Kiểm toán	<p>1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.</p> <p>2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.</p> <p>2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một</p>	Sửa đổi thông nhất theo khoản 5 Điều 7 Thông tư 121/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản	Điều lệ MBS hiện hành	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.</p> <p>3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.</p> <p>3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	

Ngoài ra còn một số nội dung sửa đổi khác để thống nhất các quy phạm cũng như các nội dung sửa đổi về câu chữ, đánh số. Chi tiết sửa đổi được thể hiện tại Dự thảo Điều lệ MBS./.